

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-PT

Ngày: 23-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 45/2019/TLPT-HS ngày 29/7/2019 đối với bị cáo Đinh Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đinh Văn N; sinh năm: 1961, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn TV, xã SD, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Đã học qua lớp xóa mù chữ; dân tộc: Kdong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Q (Chết) và bà Đinh Thị L; có vợ là Đinh Thị Đ, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn N: Bà Võ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người phiên dịch: Ông Đinh Hà Minh S – Công tác tại Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, Đinh Văn N rủ vợ là Đinh Thị Đ và thuê một số học sinh lớp 9, lớp 10 ở thôn ĐL, xã SD, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đến khu vực rừng phòng hộ tại các lô 29, lô 35, khoảnh 1, tiểu khu 170A ở thôn ĐL, xã SD, huyện S phát chồi, lau lách một ngày (còn gọi là phát luồng), diện tích phát luồng là 5.366m². Khoảng tháng 8/2017, N đã dùng máy lóc cửa hạ toàn bộ số cây lim và một số cây keo nơi phát luồng nói trên trong thời gian một ngày. Tháng 02/2018 N nhờ con trai Đinh Văn Ph thuê người để tiếp tục chặt hạ số keo còn lại trên diện tích đất rừng phòng hộ. Ph tìm gặp Đinh Văn U trao đổi thỏa thuận việc chặt keo và chỉ cho U vị trí cửa hạ số cây keo nói trên cho cha mình với giá khai thác 01 (một) tấn keo là 350.000 đồng, bao gồm khai thác, cắt khúc và vận chuyển gỗ xuống đường đưa lên xe để N chở đi bán. Sau khi thỏa thuận, U rủ Đinh Văn T, Đinh Văn C, Đinh Văn Á, Đinh Văn X, Đinh Văn Y, Đinh Văn M, Đinh Văn B, Đinh Văn Q và Đinh Văn H (đều ở thôn TV, xã SM, huyện S) họ đều tham gia làm thuê đi khai thác keo cho Đinh Văn N và trước khi khai thác, U ứng trước 1.000.000 đồng (một triệu đồng) của Ph để mua sắm đồ dùng, sửa máy cửa lóc, xong cùng với Á đến nhà N lấy một số vật dụng khác; riêng T dẫn mọi người lên vị trí phát luồng để làm trại ở khai thác. Sáng ngày hôm sau, U đem máy cửa lóc đến cùng mọi người thay phiên nhau cửa hạ toàn bộ số cây keo còn lại, cắt khúc, vận chuyển theo thỏa thuận để N chở keo đi bán. Tuy nhiên, do trời mưa, đường lầy lội xe ô tô không lên chở keo được nên U và một số người đi làm thuê nghỉ khai thác trở về nhà.

Sau khi kiểm tra phát hiện rừng phòng hộ bị thiệt hại tại các lô nói trên. Hạt kiểm lâm huyện S, tiến hành xác minh làm rõ vụ việc, xác định hành vi của N chặt phá rừng, gây thiệt hại 50 cây keo và 153 cây lim xanh, trên tổng diện tích đất rừng phòng hộ thiệt hại là 5.366m². Hạt kiểm lâm huyện S đã kiến nghị đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đề nghị khởi tố vụ án xử lý theo quy định pháp luật, quá trình kiểm tra, xác minh phát hiện N còn có hành vi chặt phá rừng phòng hộ tại các lô 01, 03, 13 khoảnh 02, tiểu khu 170A và lô 63 khoảnh 07, tiểu khu 166 ở thôn ĐL, xã SD trong thời gian từ 12/2016 đến 4/2018, gây thiệt hại 1.147 cây gỗ lim trên tổng diện tích đất rừng phòng hộ bị thiệt hại là 9.423 m².

Tại Kết luận giám định Tư pháp số 498/CCKL- GDTP ngày 20/06/2018 và số 541/CCKL- GDTP ngày 02/07/2018 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Vị trí thuộc lô 29, lô 35, khoảnh 01, tiểu khu 170A ở thôn ĐL, xã SD (Theo bản đồ kiểm kê rừng 2016 huyện S), diện tích đất rừng bị thiệt hại là 5.366m²; loại rừng: rừng trồng; Chức năng: phòng hộ đầu nguồn. Chủ quản lý là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện S; trữ lượng rừng bị thiệt hại là 16,6974m³; trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 14,1928m³ và Vị trí thuộc lô 01, 03, 13, khoảnh 02, tiểu khu 170A, lô 63, khoảnh 07 tiểu khu 166, thôn ĐL, xã SD, huyện S (Bản đồ kiểm kê rừng 2016 huyện S), diện tích đất rừng bị thiệt hại là 9.423m²; loại rừng: rừng trồng; chức năng: phòng hộ đầu nguồn; chủ quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ

huyện S; trữ lượng rừng bị thiệt hại là 15,9688m³, trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 13,5734m³.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Đinh Văn N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đinh Văn N 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2019, bị cáo Đinh Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Văn N về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là đúng quy định. Ngoài ra, bị cáo Đinh Văn N là người dân tộc thiểu số, chỉ được học qua lớp xóa mù chữ, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không có điều kiện để am hiểu pháp luật nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội do lạc hậu*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chưa đảm bảo, vì bị cáo thực hiện hành vi phá rừng liên tục trong thời gian dài, không phải phá hoại diện tích rừng này xong đến diện tích rừng khác, đồng thời tổng diện tích rừng bị cáo phá hoại đã được cộng lại để xác định khung hình phạt cho bị cáo nên không được tiếp tục sử dụng để làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời xem xét bị cáo đã bỏ tiền và công sức trồng rừng nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, hiện nay tình hình phá hoại rừng đang diễn biến phức tạp, người dân phá rừng làm nương rẫy nhiều, do đó không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo để đảm bảo sự nghiêm minh, răn đe của pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trồng lại toàn bộ diện tích

rừng bị phá hoại; gia đình bị cáo có công cách mạng; bị cáo phạm tội do lạc hậu; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác, xét về nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo cho rằng đó là đất do bị cáo mua, được tặng cho nên mới dùng để canh tác và do sự quản lý thiếu chặt chẽ của các cơ quan chức năng tạo cơ hội cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, tuổi thật của bị cáo đã hơn 60 tuổi, là người cao tuổi, bị cáo đang bị bệnh thoái hóa cột sống. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Đinh Văn N:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đinh Văn N khai nhận: Để có đất canh tác, làm ăn, bị cáo Đinh Văn N đã thuê người và tự mình dùng rựa, máy cưa lóc phát luồng, chặt hạ các cây keo, lim ở khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn thuộc thôn ĐL, xã SD, huyện S; cụ thể: Trong thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 02/2018, bị cáo chặt phá rừng tại vị trí lô 29, lô 35, khoảnh 01, tiểu khu 170A (theo hồ sơ thiết kế là lô d, khoảnh 01, tiểu khu 170A) gây thiệt hại 5.366m² diện tích rừng. Đồng thời, trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2018, bị cáo còn chặt phá cây tại vị trí các lô 01, 03, 13 khoảnh 02, tiểu khu 170A (theo hồ sơ thiết kế là lô c, khoảnh 02, tiểu khu 170A); lô 63 khoảnh 07, tiểu khu 166 (theo hồ sơ thiết kế là lô n, khoảnh 07, tiểu khu 166) với diện tích rừng bị phá hoại là 9.423m². Tổng diện tích rừng bị cáo Đinh Văn N hủy hoại là 14.789m².

[1.2] Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR019906 cấp ngày 26/12/2013, thì diện tích rừng mà bị cáo Đinh Văn N phá hoại tại các vị trí nêu trên đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S (nay là Trạm Quản lý bảo vệ rừng S). Tại các kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi xác định diện tích rừng bị phá hoại là loại rừng: trồng, chức năng: phòng hộ đầu nguồn.

[1.3] Như vậy, hành vi của bị cáo Đinh Văn N phá trái phép rừng phòng hộ có diện tích 14.789m² đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Đinh Văn N, thì thấy:

[2.1] Bị cáo Đinh Văn N thực hiện hành vi hủy hoại rừng tại nhiều vị trí khác nhau. Nhưng trong khi bị cáo đang thực hiện việc chặt phá rừng tại các lô 01, 03, 13 khoảnh 02, tiểu khu 170A; lô 63 khoảnh 07, tiểu khu 166 (từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2018) chưa chấm dứt, thì bị cáo tiếp tục chặt phá rừng tại lô

29, lô 35, khoảnh 01, tiểu khu 170A (từ tháng 6/2017 đến tháng 02/2018). Như vậy, xét về thời gian thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là kéo dài liên tục và đan xen lẫn nhau, cùng một thời điểm, không phải chấm dứt việc phá hoại rừng tại nơi này mới thực hiện việc phá hoại rừng tại nơi khác. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo phạm tội nhiều lần và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không có cơ sở, cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực trồng lại toàn bộ diện tích rừng bị cáo hủy hoại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật; có mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo cho rằng diện tích đất này là của gia đình bị cáo đã mua và được tặng cho, bị cáo khai hoang lấy đất canh tác, làm ăn. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp hồ sơ bệnh án xác định bị cáo bị gai đốt sống thắt lưng L1-L5, thoái hóa cột sống thắt lưng, chèn ép đau thần kinh tọa hai bên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo. Năm 2015, khi bị cáo làm đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền của huyện S xin khai thác keo ở các vị trí trên và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bị cáo đã được UBND xã SD và Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S mời đến làm việc và giải thích diện tích keo bị cáo trồng thuộc rừng phòng hộ thuộc sự án Jbic, nên bị cáo đã biết diện tích rừng trên là rừng phòng hộ nhưng vẫn cố tình hủy hoại để lấy đất canh tác, do đó hành vi phạm tội của bị cáo không được xem là “Phạm tội do lạc hậu”.

[2.3] Như đã phân tích ở phần [2.1], [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đinh Văn N 07 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đinh Văn N, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặt khác tình hình chặt phá rừng làm nương rẫy ở các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, do đó cần xử phạt bị cáo với một mức án tương xứng và không cho hưởng án treo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục của pháp luật đối với bị cáo cũng như đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm về hủy hoại rừng nói riêng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của người bào chữa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Bị cáo Đinh Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đinh Văn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn N **04 (bốn) năm tù** về tội “*Hủy hoại rừng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Bị cáo Đinh Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- TAND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé